|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT VÕ VĂN TẦN****PHÒNG THI :****MÃ SỐ / SBD :****103****MÃ ĐỀ :** | **BÀI** **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I****HKI – NĂM HỌC : 2022 - 2023****MÔN: VẬT LÍ 10 (20 câu TN) – BAN KHTN****Thời gian làm bài: 30 phút** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm bài thi:** | **Chữ ký giám khảo** | **Điểm trừ** (Giám thị ghi rõ lỗi vi phạm) | **Chữ ký giám thị** |
| **Điểm TN:** |  |  |  |
| **Điểm TL:** |

***Lưu ý:*** *Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và* ***tô kín một ô tròn*** *tương ứng với phương án trả lời đúng****.***

 **01**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **05** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **09** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **13** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **17** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

 **02** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **06** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **10** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **14** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **18** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

 **03** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **07**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **11**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **15** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **19** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

 **04** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **08** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **12**  Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **16** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ **20** Ⓐ Ⓑ Ⓒ Ⓓ

**PHẦN A – TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Đồ thị vận tốc theo thời gian của chuyển động thẳng như hình vẽ. Chuyển động thẳng chậm dần đều là đoạn

 **A.** AB. **B.** DF. **C.** BC. **D.** BD.

**Câu 2.** Trong trường hợp nào dưới đây có thể coi một đoàn tàu như một chất điểm?

 **A.** Đoàn tàu đang dừng ở ga tàu. **B.** Đoàn tàu lúc khởi hành.

 **C.** Đoàn tàu đang qua cầu. **D.** Đoàn tàu đang chạy trên đường TP HCM – Huế.

**Câu 3.** Độ dịch chuyển được xác định bằng

 **A.** độ biến thiên tọa độ của vật. **B.** độ biến thiên vận tốc của vật.

 **C.** độ biến thiên gia tốc của vật. **D.** độ biến thiên thời gian của vật.

**Câu 4.** Câu nào sau đây gồm 2 đơn vị dẫn xuất?

 **A.** m (mét), giây (s). **B.** V (vôn), J (jun).

 **C.** s (giây), kg (kilogam). **D.** J (jun), K (kelvin).

**Câu 5.** Chuyển động rơi tự do là

 **A.** một chuyển động thẳng đều. **B.** một chuyển động thẳng chậm dần đều.

 **C.** một chuyển động thẳng nhanh dần đều. **D.** một chuyển động thẳng nhanh dần.

**Câu 6.** Đơn vị của gia tốc trong hệ SI là

 **A.** m. **B.** a. **C.** m/s. **D.** m/s2.

**Câu 7.** Có bao nhiêu đơn vị cơ bản trong hệ SI?

 **A.** 7. **B.** 6. **C.** 8. **D.** 5.

**Câu 8.** Chuyển động thẳng nhanh dần đều là chuyển động có

 **A.** vận tốc không đổi, gia tốc không đổi. **B.** vận tốc tăng đều, gia tốc không đổi.

 **C.** vận tốc giảm đều, gia tốc không đổi. **D.** vận tốc không đổi, gia tốc tăng đều.

**Câu 9.** Một vật ở độ cao 96 m được ném theo phương ngang với tốc độ v0 = 48 m/s. Lấy g = 10 m/s2. Tầm xa của vật là

 **A.** 203,1 m. **B.** 120,3 m. **C.** 210,3 m. **D.** 310,2 m.

**Câu 10.** Một tàu bắt đầu rời ga chuyển động thẳng nhanh dần đều với gia tốc 0,2 m/s2. Vận tốc của tàu sau 10 s là

 **A.** 10 m/s **B.** 2 m/s. **C.** 5 m/s. **D.** 2,5 m/s.

**Câu 11.** Phương trình quỹ đạo của vật chuyển động ném ngang có dạng

 **A.** $y=\frac{2g}{v\_{0}^{2}}.x^{2}$. **B.** $y=\frac{g}{2v\_{0}^{2}}$ **C.** $y=\frac{g}{2v\_{0}^{2}}.x^{2}$ **D.** $y=\frac{x^{2}}{2v\_{0}^{2}}$

**Câu 12.** Một chiếc thuyền chuyển động ngược dòng nước với vận tốc 15 km/h đối với dòng nước. Vận tốc chảy của dòng nước đối với bờ sông là 2 km/h. Vận tốc của thuyền đối với bờ sông là bao nhiêu?

 **A.** 13 km/h. **B.** 7,5 km/h. **C.** 17 km/h. **D.** 15 km/h.

**Câu 13.** Hãy tính quãng đường đi được và độ dịch chuyển của bạn A khi đi từ nhà đến trường rồi về siêu thị (Hình 7.1). Coi chuyển động của bạn A là chuyển động đều. Chọn chiều dương là chiều từ nhà đến trường.

 **A.** s = 800 m, d = 800 m. **B.** s = 1200 m, d = 1200 m.

 **C.** s = 1200 m, d = 800 m. **D.** s = 800 m, d = 1200 m.

**Câu 14.** Một người đi xe đạp với vận tốc 12 km/h, quãng đường người đó đi được trong 0,5 h là

 **A.** 6 km. **B.** 5 km. **C.** 3 km. **D.** 4 km.

**Câu 15.** Điều nào sau đây là an toàn trong phòng thí nghiệm?

 **A.** Đem đồ ăn, thức uống vào phòng thí nghiệm. **B.** Không đặt vật sắc nhọn và dẫn điện ngay trên dây điện.

 **C.** Để nước ở gần ổ cắm và thiết bị điện. **D.** Dùng tay ướt cắm phích điện vào nguồn điện.

**Câu 16.** Thứ nguyên của khối lượng là

 **A.** kg. **B.** L. **C.** m. **D.** M.

**Câu 17.** Trong các câu sau, câu nào nói lên ảnh hưởng của Vật lí trong lĩnh vực thông tin liên lạc?

 **A.** Kính hiển vi điện tử, máy quang phổ.

 **B.** Chụp X quang, chụp cộng hưởng từ (MRI), nội soi, xạ trị.

 **C.** Internet, điện thoại thông minh.

 **D.** Sử dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ vật liệu (nano), dây chuyền sản xuất tự động.

**Câu 18.** Chọn câu **đúng**. Trong công thức cộng vận tốc

 **A.** vận tốc tuyệt đối bằng hiệu vectơ của vận tốc tương đối và vận tốc kéo theo.

 **B.** vận tốc kéo theo bằng tổng vectơ của vận tốc tương đối và vận tốc tuyệt đối.

 **C.** vận tốc tuyệt đối bằng tổng vectơ của vận tốc tương đối và vận tốc kéo theo.

 **D.** vận tốc tương đối bằng tổng vectơ của vận tốc tuyệt đối và vận tốc kéo theo.

**Câu 19.** Biển báo  mang ý nghĩa

 **A.** Cảnh báo tia laser. **B.** Nơi có chất phóng xạ.

 **C.** Tránh ánh nắng chiếu trực tiếp. **D.** Nhiệt độ cao.

**Câu 20.** Ưu điểm của phương pháp đo tốc độ khi dùng cổng quang điện là

 **A.** đo trực tiếp tốc độ tức thời với độ chính xác trung bình.

 **B.** kết quả chính xác hơn do không phụ thuộc vào người thực hiện.

 **C.** phụ thuộc vào phản xạ của người thực hiện.

 **D.** giá thành cao.

***------ HẾT ------***